

KHU THẬP TAM TRẠI

Nguồn gốc dân cư, tín ngưỡng thành hoàng và đặc điểm kinh tế

NGUYỄN QUANG NGỌC — NGUYỄN VĂN CH

Khu Thập tam trại, hay còn gọi là tổng Nội, tổng Vạn Bảo, nằm gọn trong hoàng thành Đông Kinh thời Lê, nay thuộc địa phận quận Ba Đình, nội thành Hà Nội.

I — Nguồn gốc cư dân Thập tam trại.

Trương truyền vào đời Lí Thái Tông (1028 — 1054) có một nàng công chúa thuyền trên sông Đuống, chẳng may bị đắm thuyền. Chàng trai họ Hoàng làng Lệ Mật, Gia Lâm, vốn thạo nghề sông nước đã vớt được xác công chúa nổi lên. Lí Thái Tông muốn trả ơn, định ban tước lộc cho chàng nhưng chàng mực không nhận, chỉ xin vua cho phép mang dân nghèo làng mình sang khẩn vùng đất phía tây kinh thành Thăng Long. Chẳng bao lâu ở phía tây thành đã mọc lên 13 trại khai hoang của người Lệ Mật. Truyền thuyết đã dần cố định lại thành thần tích, thành sử sách, làm cho người đời sau cứ nghĩ là sự thực hiển nhiên không cần phải bàn thêm nữa.

Nhưng đây là vùng hoàng thành của nhà nước phong kiến tập quyền chuyên chế, mà bộ hình luật qui định rất rõ: ai tự ý trèo qua hoàng thành thì bị xử viên châu [1], phải chăng luật Hồng Đức không áp dụng với dân Thập tam trại?

Đi vào tìm hiểu nguồn gốc các dòng họ cư trú ở Thập tam trại, chúng ta nhận thấy không có dòng họ nào vốn gốc từ Lệ Mật đã có mặt ở đây từ thời Những họ được coi là tiền hiền khai phá vùng đất này cũng chỉ mới đến không quá mười đời. Đó là các họ Hoàng Hữu, Trương Duy ở Đại Yên, Nguyễn Văn ở Vĩnh Phúc, họ Đào ở Thủ Lệ, họ Trương ở Giảng Võ, họ Nguyễn Văn Phúc... Dù cho cách tính rất tương đối và chấp nhận sai số lớn, chúng ta cũng không thể đầy sự có mặt của các dòng họ trên ở khu vực Thập tam trại trước thế kỷ XVIII được. Điều này khá trùng hợp với trường hợp ông Trương Đình Tuyên vốn sinh ra ở làng Lệ Mật vào năm 1713, sau đó dời ra ở phủ Công Bộ (Thành Công) và đỗ tiến sĩ khoa Kỷ mùi (1739). Họ Trương ở Thủ Lệ Công và họ Trương ở Giảng Võ ngày nay đều là dòng dõi Trương Đình Tuyên.

Khảo sát nguồn gốc các dòng họ khác trong vùng, chúng tôi cũng thu được kết quả tương tự. Họ Hoàng Văn ở Đại Yên là họ từ Thanh Hóa ra làm nghề cò ngựa ở kinh thành, đến năm Thành Thái thứ 14 (1902) được bốn đời và nay là đời thứ 10. Theo gia phả và tấm bia trong nhà thờ họ Nguyễn ở Đại

hì dòng họ từ Mai Viên, Kim Động, Hưng Yên (mà gốc xa đời ở Hà Tĩnh) ra khai phá vùng đất cũ kinh thành nhà Lê, đến năm Duy Tân thứ 5 (1911) là năm đời. Tăm bia còn nói rõ ông tổ dòng họ là người có công với nhà Lê và đến thời Tây Sơn sau khi cơ đồ nhà Lê sụp đổ, ông mới ở lại Đại Yên. Người em trai của ông sang ở thôn Đông Nước, lập ra dòng họ Nguyễn ở đấy.

Họ Tống ở Hữu Tiệp là họ công thần nhà Nguyễn có gốc ở Thanh Hóa. Cả họ ở gọi lại trong một gò đất khá cao, rộng khoảng 3 mẫu — tương truyền là thành moi voi và ngựa của ông tổ dòng họ. Họ Trịnh ở Ngọc Hà là dòng họ chúa Trịnh, cả gia phả chép từ đời Trịnh Kiêm. Có thể sau khi nhà Trịnh sụp đổ, một chi phái họ Trịnh chạy ra ở đây và để tránh sự trả thù nên bức đại tự khắc năm 1872 ở nhà thờ họ lại viết «Trịnh từ đường» theo kiểu chiết tự, thành «Điện ấp Từ đường».

Cho đến nay, chúng tôi chưa tìm thấy được một dấu hiệu nào chứng tỏ ở khu vực Thập tam trại từ thời Lê đã có 13 trại khai hoang của người Lê Mật. Tư liệu cho phép đoán định lớp cư dân đầu tiên đến khai phá Thập tam trại không phải chỉ có dân Lê Mật mà còn có người ở nhiều nơi khác, trong đó số người từ Thanh - Nghệ ra hay vốn là lính Thanh Nghệ ở lại ngay từ thời kì đầu cũng đã khá đông. Thời gian các dòng họ đến khai phá vùng đất này chỉ có thể trong khoảng 300 năm trở lại, không thể chỉ căn cứ vào truyền thuyết dân gian mà ngược lại tận thời Lê như một số tác giả đã chủ trương.

II Tin ngưỡng thành hoàng

Dài vùng Thập tam trại tự nhận mình là con cháu thuộc dòng dõi Hoàng Lê Mật nên hàng năm cứ vào ngày 23/3 (âm lịch) tương truyền là ngày Hoàng Lê Mật tem dân sang kinh thành, họ kéo nhau về «cự quán» để tế Hoàng Lê Mật. Thế nhưng không phải cả 13 trại đều thờ Hoàng Lê Mật làm thành hoàng mà thực tế chỉ có trại Liễu Giai và Vĩnh Phúc thường thờ ông làm thành hoàng, hai trại Kim Mã, Ngọc Khánh thờ ghép ông với các vị thần khác.

Trại Vĩnh Phúc được coi là trại con cả của Hoàng Lê Mật lại không phải là một trong 9 trại hình thành sớm của tổng Nội. Mãi đến cách đây 50 năm mà cả trại Vĩnh Phúc mới chỉ có 17 gia đình. Đình Vĩnh Phúc cũng chỉ mới được xây dựng vào đầu thế kỷ XX và đôi câu đối thờ quan trọng nhất ở đình là sao chép từ đình làng Lê Mật, Gia Lâm, mang sang. [2]

Ở ủa đình Vĩnh Phúc thường trước đây có một bệ thờ lộ thiên, tương truyền là lăng Hoàng Lê Mật, nhưng việc cúng lễ ở Lăng lại do riêng trại Vĩnh Phúc thượng đảm nhiệm. Dân 12 trại khác và nhất là dân làng Lê Mật, Gia Lâm không quan tâm đến lăng này. Đây có thể là lăng mộ tượng trưng do dân trại Vĩnh Phúc thượng lập ra để thờ Hoàng Lê Mật mà thôi.

Trại Ngọc Khánh và trại Kim Mã vốn được tách ra từ trại Giảng Võ, đến cuối thế kỷ XIX vẫn còn gọi là thôn. Trại Liễu Giai cũng không có lịch sử thành lập sớm hơn so với các trại khác. Như thế cả 4 trại thờ Hoàng Lê Mật làm thành hoàng lại không phải là các trại được hình thành ở sớm vùng Thập tam trại. Hiện tượng thờ cúng Hoàng Lê Mật chỉ là hiện tượng thờ vọng và muộn. Hoàng Lê Mật là thành hoàng của làng Lê Mật, Gia Lâm, rồi sau đó mới trở thành thành hoàng của các trại Vĩnh Phúc, Liễu Giai và tiếp theo là Kim Mã, Ngọc Khánh. Hàng năm các trại ở «kinh quán» kéo nhau về «cự quán» làm lễ không bao giờ họ được giữ chức chủ tế. Trại Vĩnh Phúc với cương vị con trưởng được

cầm gươm đứng ở cửa bảo vệ, gọi là thị lập. Các trại Liễu Giai, Cống Vị là tế, trại Giảng Võ làm đông xướng, trại Thủ Lệ làm tây xướng. Những công việc tổ chức tế lễ, dân « kinh quán » phải chia nhau gánh vác một phần. Ngoài hình thức cùng kéo nhau về « cựu quán », ở Thập tam trại không còn hình thức nào khác thờ cúng chung Hoàng Lê Mật. Hiện tượng trên gợi ý cho tôi hình ảnh những người đi buôn bán, làm ăn xa quê, hàng năm vẫn tìm về các dịp cúng giỗ thành hoàng, như dân vùng Đồ Sơn vẫn nhắc nhau « buôn đâu bán đâu, Mừng mười tháng Tám chọi trâu thì về »...

Có thể thời kỳ đầu, một bộ phận dân vùng Lê Mật sang kinh thành làm ăn và ngụ cư tại kinh thành, nhưng vẫn gắn bó chặt chẽ với làng quê. Dần dần họ mang cả gia đình, họ hàng sang vùng kinh thành lập ra làng nhưng vẫn chưa thể cắt đứt được mối liên hệ với « cựu quán ». Việc di dân dần thành tục lệ và tục lệ này lại phản ánh tình chưa thật ổn định của khối cư ở « kinh quán ».

Linh Lang, người con anh hùng của vua Lí đã anh dũng hi sinh trên tuyến bảo vệ cửa ngõ thủ đô năm 1077, từ thời Lí đã hóa thành vị thần giữ phía tây Thăng Long. Từ việc thờ cúng chính ở đền Thủ Lệ là một « Thăng Long tứ trấn », Linh Lang được tôn lên thành vị thần bảo vệ cả vùng tổng Nội và vào tháng 2 năm 1826, khánh thành đình hàng tổng, ông chính thức được thờ ở đình Vạn Phúc. Hàng năm cứ vào ngày hóa Linh Lang dân tổng Nội và gần chục các thôn làng khác trong vùng kéo đến tổ chức lễ thần từ đền Thủ Lệ về đình hàng tổng. Lễ rước tổ chức rất long trọng. Lang đã hóa thành đầm, hồ, sông, núi, đã hóa thân vào trong cuộc sống văn tin ngưỡng của người Thập tam trại. Không chỉ là chủ thần của cả vùng, Lang còn là thành hoàng của các trại Vạn Phúc, Thủ Lệ, Cống Vị, Vĩnh Hà, Kim Mã và Ngọc Khánh.

Ở Kim Mã và Ngọc Khánh, ngai thờ Linh Lang sơn son thếp vàng, đặt ở vị trí trung tâm và giữ vai trò của thành hoàng chính. Đình Vĩnh Phúc hạ mới được tách ra nay 50 năm. Do mâu thuẫn nội bộ làng xã mà dòng họ Phạm vốn không gốc từ Lê Mật, không thừa nhận Hoàng Lê Mật là thành hoàng làng, đã dựng đình riêng và rước Linh Lang về thờ. Trại Thủ Lệ vốn là đầm trở nên có vị thần từ Thủ Lệ phát triển thành, hẳn phải có từ sớm. Trại Vạn Phúc là trại lớn nhất, nhất và ở vị trí trung tâm của Thập tam trại...

Bên cạnh Hoàng Lê Mật, Linh Lang, nhiều trại ở Thập tam trại còn thờ vị thần khác như các trại Kim Mã, Ngọc Khánh, Xuân Biều thờ Phù Đổng Thiên Vương, trại Đại Yên thờ Ngọc Hoa công chúa, trại Giảng Võ thờ bà chúa Kho, trại Cống Vị thờ Quảng Hồng, trại Ngọc Hà, Hữu Tiệp thờ Huyền Thiên Hắc Đế. [3]]

Trừ Phù Đổng Thiên Vương là người anh hùng dân tộc, người Đường Lâm (Hà Nội) nổi dậy chống ách đô hộ của nhà Đường mà chiến công gắn liền với đất nội thành Hà Nội, còn các vị thần khác đều là những người anh hùng truyền thuyết công giúp nước vào thời Lí - Trần, nhưng nguồn gốc và sự nghiệp lại có liên hệ chặt chẽ với vùng Thanh - Nghệ.

Cả vùng Thập tam trại có 12 ngôi đình nhưng không có đình nào được dựng trước thế kỉ XIX, nhiều ngôi đình mãi đến thế kỉ XX mới dựng, thậm chí có trại chưa bao giờ dựng được đình.

Tin ngưỡng thành hoàng ở Thập tam trại, nhìn chung là phức tạp. Sự phức tạp này phản ánh quá trình tập hợp cư dân ở Thập tam trại là quá trình

nhân, là trộn nhiều luồng cư dân. Trên cơ sở Linh Lang là chủ thần của vùng đất phaây Thăng Long, dân Lệ Mật mang thành hoàng làng mình đến, dân vùng Thanh Nhệ và dân các làng quanh vùng kéo sang đã mang theo đặc điểm tín ngưỡng, hành hoàng của làng quê mình.

III- Đặc điểm kinh tế

Thập tam trại là vùng nông nghiệp thuần túy dựa trên cơ sở chế độ công hữu hoàn toàn về ruộng đất.

Trại Giảng Võ có tổng số 378 mẫu ruộng, hoàn toàn là ruộng công, chia cho suất đm cây cấy, cứ ba năm chia lại một lần, bình quân mỗi suất đm được nhận ba ào là ba loại ruộng khác nhau. Dân Giảng võ lúc đầu chỉ chuyên làm ruộng. Nưng nguồn lợi ruộng đất không đủ nuôi sống họ, họ phải bổ sung thêm cho người kinh tế gia đình bằng nghề mò cua bắt ốc thật vất vả, lam lũ. Ngoài ra, làng không có một nghề nghiệp nào khác. Tất cả các trại khác trong vùng cũng có kết cấu kinh tế tương tự như ở Giảng Võ.

Vạn Phúc là trại ở vị trí trung tâm của Thập tam trại, có ruộng ở hầu khắp vùng và dân trại chỉ làm nông nghiệp độc canh. Dân « ba rô chín tiền » là cách gọi dân gian chỉ riêng dân trại Thủ Lệ, dân chuyên đi đánh dậm kiếm cá. Cả trại chỉ có 30 mẫu ruộng của đm, hàng năm mỗi suất đm chỉ được cấy một sào và nộp cho lên 5 kg thóc nếp. Để duy trì cuộc sống, họ phải phát triển nghề đánh dậm. Vì đánh dậm là nghề chính lâu dài nên trại Thủ Lệ có phường đánh dậm. Cũng tương tự như Thủ Lệ, trại Liễu Giai có 40 mẫu ruộng công, chia cho mỗi suất đm bình quân được một sào, nên dân Liễu Giai phải lấy việc mò cua, bắt ốc làm nghiệp chính. Trại Vĩnh Phúc cũng chỉ làm ruộng thuần túy, mỗi suất đm được cấy hai sào ruộng công. Trại Ngọc Khánh ruộng đất khá nhiều mà đến trước cách mạng tháng Tám vẫn chỉ có một trăm suất đm nên bình quân mỗi suất đm được chia 1 mẫu 2 sào 10 thước ruộng công. Xung quanh Ngọc Khánh là những dải đầm hồ rộng lớn, do đó, bên cạnh nghề làm ruộng họ kiếm thêm cả nghề đánh bắt cá.

Các trại Ngọc Hà, Hữu Tiệp và thôn Đồng Nước chuyên trồng hoa, trại Cống Vị ngày nay trồng hoa nhưng xưa làm nông nghiệp. Các trại Kim Mã, Cống Yên cũng chỉ làm nông nghiệp thuần túy với số ruộng đất ít ỏi và hoàn toàn là ruộng đất công.

Đại Yên vốn là trại tập hợp những dân nghèo khổ chuyên đi cắt cỏ bán cho vua chúa ở trong thành nuôi voi, ngựa. Trại được sở hữu một giải đầm hồ kéo dài từ Ngọc Hà đến núi Cung. Từ nghề cắt cỏ ngựa, dân trại dần dần học được nghề hớt và chuyển hẳn sang nghề thuốc nam. Ngày nay, Đại Yên là trung tâm thuốc nam nổi tiếng của Hà Nội.

Khu vực Thập tam trại, chỉ trừ phần đất ở không nhiều và một vài gia đình, đồng ruộng có số ruộng đất tư không đáng kể, còn hầu như toàn bộ đất đai cây cấy là ruộng đất công. Ruộng đất của mỗi trại vốn đã rất ít, lại không được chia riêng ra thành từng khu vực độc lập mà thường chia ra rất nhỏ và đan xen vào nhau.

Nghề nghiệp chính của cư dân vùng Thập tam trại là nông nghiệp kết hợp với ngư nghiệp, sử dụng hình thức đánh bắt thô sơ. Đời sống của cư dân Thập tam trại ngày xưa rất cực khổ. Đến khi thực dân Pháp xâm lược, người phụ nữ thường

ở nhà làm ruộng, mò cua bắt ốc, còn phần nhiều đàn ông đi ra ngoài làm thuê (như giặt, kéo xe, khâu vá, làm nề, làm mộc). Kết cấu kinh tế ở Thập tam trại bắt đầu đã có sự chuyển biến dưới tác động của kinh tế hàng hóa tư bản nghĩa thời cận đại.

Thế nhưng, truyền thống cũ vốn có sức ý rất lớn, đã níu giữ vùng Thập tam trại trong vòng lạc hậu, đề mãi đến trước cải cách ruộng đất, đại đa số cá nhân vẫn chỉ làm nông nghiệp độc canh, với hầu hết là ruộng đất công.

Khảo sát tình hình kinh tế Thập tam trại, chúng tôi không thấy đâu đâu là một khu nông nghiệp truyền thống phục vụ cho kinh thành, mà trái lại, chỉ đây là khu nông nghiệp hình thành dưới sự khống chế chặt chẽ của chính quyền phong kiến đang suy vong, trong xu thế nông thôn hóa một cách mạnh mẽ ở Thăng Long - Hà Nội. Ra đời trong hoàn cảnh lịch sử ấy, các trại ở Thập tam trại buộc phải co lại, tự thủ trước những tác động thường xuyên của đời sống xã hội.

Cũng cần phải nói thêm là ở Thập tam trại còn có 13 ngôi chùa (trong đó có 12 ngôi là loại chùa âm hồn và chùa kết hợp tam giáo: Phật, Nho, Đạo...), 1 miếu phần nhiều là thờ đức thánh Trần, Liễu Hạnh với các hình thức thờ cúng mang nặng tính chất mê tín. Đây là một bằng chứng nữa về quá trình tập hợp cư vào thời kì xã hội Việt Nam đầy biến động và làng xã đang có xu hướng phục hưng trở lại.

Thập tam trại, như vậy, không phải là 13 trại khai hoang của dòng Lê Mạt thời Lê. Quá trình hình thành vùng Thập tam trại là một quá trình lâu dài, gồm sự tập hợp của nhiều luồng dân cư, trong đó bộ phận từ Lê Mật, Gia Lâm là bộ phận đến sớm nhất, đông đảo nhất và có thế lực hơn cả. Thập tam trại vùng kinh tế nông nghiệp nằm trong hoàng thành Thăng Long, khi hoàng thành Thăng Long, mặc dù chưa bị phế nhưng đã hoang tàn và không còn là vùng cấm nữa.

Có thể từ các thế kỉ trước đã có một số cơ sở khai hoang đầu tiên của dòng Lê Mạt làm ăn và phục vụ trong kinh thành nhà Lê. Nhưng phải đến khi Lê trở thành bù nhìn, chúa Trịnh chuyển vùng trung tâm chính trị ra ngoài thành, lập khu phủ chúa ở phía nam cấm thành, nên vùng phía tây cấm thành được chú ý đến nữa, thậm chí có khu vực bị bỏ trống thì xu hướng trở thành thôn trại khai hoang ở đây mới trở nên mạnh mẽ. Chẳng hạn năm 11724, Trịnh Cương chuyển trường thi Bắc cử về Đống Đa [4], toàn bộ khu vực Giảng Võ, Kim Mã mới trở thành vùng đất hoang, lau sậy mọc um tùm. Lúc ấy Lê Mật Gia Lâm tràn sang, dân Thanh Nghệ và dân một số làng lân cận kéo đến lập Tam phủ và những người phục vụ trong kinh thành ở lại, lập ra các trại hoang mà các trại đó vẫn có nhiệm vụ bảo vệ hoàng thành và vẫn mang chất nửa quân sự. Xu hướng này còn được đẩy mạnh hơn sau khi Tây thắng thế, đóng đô ở Phú Xuân nhưng vẫn giữ Thăng Long là trung tâm chính trị của Bắc Thành và ra sức thực hiện chính sách khuyến nông. Giữa Long An ngôi đã gạt hẳn vùng tổng Nội ra khỏi khu vực thành tỉnh Hà Nội, vùng Thập tam trại mới thực sự trở thành vùng 13 trại khai hoang như từ trước tới nay người ta vẫn thường quan niệm.

Thiền gia đã đắp thêm vào sự tích Thập tam trại nhiều lớp văn hóa mới, làm cho dân ai lối lịch sử, và trong bài viết nhỏ này, chúng tôi lại ngược dòng thời gian, hi vọng lần tìm cái lối của lịch sử đó.

Chú thích

[1] Phan Huy Chú — Lịch triều hiến chương loại chí, Nhà xuất bản Sử học, Hà Nội 1961, tập III, trang 115.

[2] Ế là đôi câu đối:

Đạp giao dũng quán quân luân, Lí triều thiên vạn niên nhi hậu.

Đợ mã ân lưu quyết ấp, Long thành Thập tam trại do truyền.

(Cien loài giao, sức mạnh vượt nghìn người thương, sau triều Lí, muôn ngàn rấn còn dậy tiếng;

Tin vó ngựa, ơn sâu lưu ấp cũ, canh thành Rồng mười ba trại vẫn truyền danh.)

[3] Phùng Hưng là người anh hùng dân tộc chức và lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống lại ách đô hộ của nhà Đường (766 — 791). Ngọc Hoa công chúa là người họ Trần tương truyền từ khi lên 9 tuổi đã có công giúp Lí Thường Kiệt dẹp giặc Chăm Thành. Bà chúa Kho là Châu Nương, người có công giữ kho bảo đảm hậu cần cho cuộc kháng chiến chống quân Nguyên. Quảng Hồng, người họ Nguyễn đã từng cùng Trần Hưng Đạo diệt quân Nguyên trên sông Bạch Đằng. Huyền Thiên Hc Đế là một trẻ nhỏ, sau khi chết đã «hiển linh» giúp vua Lí đánh thắng quân Chăm Thành.

[4] Lê Quý Đôn, Toàn tập, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977, tập II, trang 106.

НГУЕНКУАНГ НГОК — НГУЕН ВАН ЧИНЬ. «ТРИНАДЦАТЬ ВЫСЕЛОК» ПЕРВОНАЧАЛЬНОЕ НАСЕЛЕНИЕ, ПОКЛОНЕНИЕ МЕСТНЫМ ДОЖЕСТВАМ, ЭКОНОМИЧЕСКИЕ ОСОБЕННОСТИ

Этот район в окрестностях современного Ханоя стал заселяться в конце эпохи Ле — Чинь, после того как правитель Чинь перенес свою резиденцию К югу от Запретного города Тханг-Лонг и императорский город в Западной его части пришёл в разрушение. Именно тогда здесь начали селиться крестьяне из деревень ЛеМат и Зна Лам, выходцы из провинции Тхань и Нге, местные жители и солдаты. Здесь появились полувоенные поселения, достигшие числа тридцати уже после того, как король Зна Лонг перенес столицу в Гюе, а площадь города Тханг-лонг уменьшилась за счет переставших относиться к нему западных окрестностей.

NGUEN QUANG NGOC — NGUYEN VAN CHINH. THE GROUP OF THIRTEEN FARMS (ORIGIN OF ITS INHABITANTS, RELIGIOUS BELIEFS, THE LAND- DEITY AND ECONOMIC CHARACTERISTICS)

At the end of Lê — Trinh period, after Trinh Generals transferred his palace to the south of Thăng Long, the West of this town little by little went to ruin. People from Lê Mát, Gia LAM villages, from Thanh Hóa, Nghệ An provinces and from a number of villages, the soldiers of Trinh Generals cultivated the land and built farms under a half military type. This place only became «the group of thirteen farms» after the ascension of Gia Long to the throne, who fixed his capital in Hanoi and the west of Lê Dynasty royal city was separated from Thăng Long.